

Số: /KH-UBND

Tam Đường, ngày tháng 02 năm 2022

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên cho lao động nông thôn năm 2022 trên địa bàn huyện Tam Đường

Căn cứ Quyết định số 221/QĐ-UBND ngày 11/02/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc ban hành Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu năm 2022; UBND huyện Tam Đường xây dựng Kế hoạch đào tạo nghề trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên cho lao động nông thôn năm 2022 với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Góp phần nâng cao chất lượng lao động nông thôn thông qua việc đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về kỹ năng nghề, giúp người học sau khi kết thúc khóa đào tạo biết vận dụng những kiến thức đã học vào sản xuất, tạo việc làm góp phần cải thiện đời sống, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững.

2. Yêu cầu

- Tổ chức đào tạo nghề theo nhu cầu của người lao động, yêu cầu của thị trường lao động; gắn đào tạo nghề với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động và nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; đảm bảo đào tạo đúng đối tượng, thực hiện đúng chế độ chính sách quy định.

- Cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo phải đảm bảo năng lực đào tạo, có đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập hoặc khả năng cải thiện năng xuất lao động.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu: Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật từ 54,46% năm 2021 lên 56% vào cuối năm 2022; sau đào tạo có trên 80% số người học có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn.

2. Chỉ tiêu

Đào tạo cho 1.000 lao động nông thôn, trong đó:

- Nghề nông nghiệp: 660 người;

- Nghề phi nông nghiệp: 340 người.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).

III. NỘI DUNG

1. Đối tượng học nghề: Lao động nông thôn chưa tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo thường xuyên, trong đó ưu tiên: Người khuyết tật; đối tượng thuộc diện hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ mất việc làm; người chấp hành xong án phạt tù, người sau cai nghiện trở về cộng đồng.

2. Điều kiện người học được hỗ trợ đào tạo

- Trong độ tuổi lao động (*nữ từ đủ 15-55 tuổi; nam từ đủ 15-60 tuổi*), có nhu cầu học nghề, có trình độ học vấn; trường hợp học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động thì phải đủ 14 tuổi; những người không biết đọc, viết có thể tham gia học những nghề phù hợp thông qua hình thức kèm cặp, truyền nghề và phải đủ sức khỏe phù hợp với ngành nghề cần học.

- Có phương án tự tạo việc làm sau học nghề đảm bảo tính khả thi theo xác nhận của UBND xã, thị trấn hoặc được đơn vị sử dụng lao động cam kết tuyển dụng hoặc có đơn vị cam kết bao tiêu sản phẩm sau học nghề.

- Đối với lao động nông thôn: Người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, người lao động có hộ khẩu thường trú tại xã, thị trấn đang trực tiếp làm nông nghiệp hoặc thuộc hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi.

- Đối với người khuyết tật: Có giấy xác nhận khuyết tật hoặc sổ lĩnh trợ cấp hàng tháng.

- Đối với lao động bị mất việc làm

+ Trường hợp làm việc theo hợp đồng có một trong các giấy tờ sau: Quyết định thôi việc, buộc thôi việc; quyết định sa thải; thông báo hoặc thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc đã hết hạn hoặc đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động;

+ Trường hợp làm việc không theo hợp đồng: Giấy xác nhận của người sử dụng lao động;

+ Trường hợp tự tạo việc làm: Giấy đăng ký kinh doanh còn hiệu lực hoặc xác nhận của UBND xã, thị trấn (*trong trường hợp không có giấy đăng ký kinh doanh*).

- Đối với người đã được hỗ trợ đào tạo nhưng bị mất việc làm thì ngoài các giấy tờ quy định cần bổ sung thêm chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa đào tạo trước đó.

- Đối với người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh: Quyết định thu hồi đất còn trong thời hạn được hỗ trợ quy định tại Điều 4 Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người lao động bị thu hồi đất.

3. Chính sách đối với người học

a) *Hỗ trợ chi phí đào tạo*: Mức hỗ trợ cụ thể theo từng ngành, nghề và thời gian học thực tế được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu quy định mức chi phí đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 1145/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức chi phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 3 tháng trên địa bàn kèm theo Quyết định 674/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Lai Châu.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại

- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người thuộc hộ bị thu hồi đất nông nghiệp, đất kinh doanh, lao động nữ bị mất việc làm tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

- Mức hỗ trợ tiền ăn 30.000 đồng/người/ngày thực học.

- Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học (*nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên*). Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000 đồng/người/khóa học (*nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 05 km trở lên*).

4. Quy mô đào tạo, chương trình, phương thức đào tạo, nội dung chi

a) *Quy mô đào tạo*: Tối thiểu 25 học viên/lớp; tối đa 35 học viên/lớp.

b) *Chương trình, giáo trình đào tạo*: Chương trình, giáo trình đào tạo do đơn vị tham gia đào tạo cho lao động nông thôn xây dựng, chỉnh sửa, bổ sung phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, điều kiện giảng dạy của cơ sở, trình độ của người học theo hướng dẫn tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo sơ cấp; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH quy định về đào tạo thường xuyên; Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều

Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo trình độ sơ cấp và Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2015 quy định về đào tạo thường xuyên.

c) Hình thức hỗ trợ đào tạo: Thực hiện giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu đào tạo nghề theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, cụ thể:

- Trường hợp người học đăng ký học tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện: Hỗ trợ thông qua hình thức giao nhiệm vụ.

- Trường hợp người học đăng ký học tại các cơ sở đào tạo ngoài công lập: Hỗ trợ thông qua hình thức đặt hàng (*Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đủ điều kiện hoạt động giáo dục nghề nghiệp căn cứ kinh phí thực hiện nhiệm vụ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng có trách nhiệm thanh toán tiền ăn, tiền đi lại cho người học theo quy định. Trường hợp người học tự ý nghỉ học, bỏ học hoặc buộc thôi học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quyết toán kinh phí hỗ trợ học nghề theo số lượng học viên và thời gian thực tế tham gia học nghề*).

d) Nội dung chi: Nội dung chi thực hiện theo quy định tại Điều 10, Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính.

5. Kinh phí thực hiện: Kinh phí đào tạo được thực hiện lồng ghép từ các nguồn: Ngân sách Trung ương; Ngân sách tỉnh; Ngân sách huyện tự cân đối và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định giao nhiệm vụ đào tạo nghề cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện để tổ chức thực hiện.

- Chủ trì, phối hợp Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện thực hiện hoạt động tuyên truyền về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Thông báo cho các cơ sở đào tạo ngoài công lập làm thủ tục đăng ký tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn; tham mưu UBND huyện ban hành Quyết định đặt hàng đào tạo nghề đối với các cơ sở dạy nghề đảm bảo đúng quy định; trực tiếp ký hợp đồng với các cơ sở dạy nghề không thuộc UBND huyện

quản lý; phối hợp xây dựng dự toán kinh phí gửi các cơ quan chuyên môn thẩm định theo chức năng nhiệm vụ.

- Thẩm định danh sách học viên, địa điểm các lớp đào tạo nghề trước khi các cơ sở dạy nghề tổ chức thực hiện; lập sổ theo dõi, quản lý tình trạng việc làm, thu nhập của người lao động sau học nghề trên địa bàn.

- Tham mưu UBND huyện phê duyệt kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện công tác dạy nghề trên địa bàn; đôn đốc, hướng dẫn xã, thị trấn xây dựng kế hoạch dạy nghề, kế hoạch kiểm tra, giám sát công tác dạy nghề năm 2022.

- Phối hợp với các cơ sở dạy nghề, UBND các xã, thị trấn tổng hợp số lao động nông thôn qua đào tạo, số lao động có việc làm theo từng hình thức sau đào tạo, số lao động thuộc hộ thoát nghèo, số người có thu nhập khá.

- Định kỳ 6 tháng, một năm tổng hợp tình hình triển khai thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Đôn đốc, hướng dẫn các xã, thị trấn tổ chức đào tạo nghề nông nghiệp theo các văn bản hướng dẫn thực hiện của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản của tỉnh, huyện.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cung cấp thông tin thị trường hàng hóa, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ nông nghiệp trực tiếp tới người lao động biết để áp dụng và tham gia; thực hiện lồng ghép chương trình, kế hoạch đào tạo cho lao động nông thôn trong chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình khuyến nông đảm bảo hiệu quả.

- Thẩm định danh mục các mô hình thực hành nghề nông nghiệp gửi Phòng Tài chính – KH thẩm định dự toán kinh phí các lớp đào tạo.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn huyện thuộc trách nhiệm theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo nghề nông nghiệp 06 tháng, 01 năm trên địa bàn huyện gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội tổng hợp, tham mưu UBND huyện báo cáo Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo: Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm tốt công tác phân luồng, định hướng cho học sinh tốt nghiệp THCS vào học nghề. Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền để các cấp, các ngành và toàn xã hội nâng cao nhận thức về trách nhiệm và tầm quan trọng của

việc phân luồng học sinh sau học THCS vào học nghề; đồng thời giúp các bậc cha, mẹ học sinh và học sinh nhận thức rõ, đúng đắn hơn việc học nghề, đảm bảo cơ cấu hợp lý nguồn nhân lực xã hội.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu giao nguồn kinh phí tổ chức thực hiện đào tạo cho lao động nông thôn; thẩm định kế hoạch và dự toán kinh phí các lớp đào tạo; tổng hợp, trình UBND huyện phê duyệt để tổ chức thực hiện; quản lý, hướng dẫn thanh, quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ công tác đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

5. Phòng Kinh tế và Hạ tầng

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định danh mục nghề phi nông nghiệp, nhu cầu học nghề phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn; khảo sát, xác định nhu cầu sử dụng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn; đề xuất các cơ sở có đủ điều kiện dạy nghề phi nông nghiệp gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, trình UBND huyện phê duyệt.

- Thẩm định danh mục nguyên vật liệu mô hình thực hành nghề phi nông nghiệp của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch để làm cơ sở cho việc thẩm định dự toán kinh phí các lớp đào tạo nghề.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ, báo cáo kết quả công tác đào tạo nghề phi nông nghiệp trên địa bàn gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện: Xây dựng chuyên mục tuyên truyền sâu rộng về chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đào tạo, đào tạo gắn với giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập; các mô hình có hiệu quả; thông tin về thị trường lao động, nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp; tuyên truyền các chuyên đề khởi nghiệp của người lao động... để người lao động nông thôn biết, tham gia và lựa chọn nghề học phù hợp, hiệu quả, nâng cao thu nhập, ổn định đời sống.

7. Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội huyện: Hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi để lao động nông thôn vay vốn học nghề, tạo việc làm

sau học nghề và được hưởng các chế độ, chính sách ưu đãi về vốn vay; tổ chức triển khai chính sách tín dụng đối với lao động nông thôn; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát, bảo toàn vốn vay theo quy định.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Tăng cường công tác truyền thông về giáo dục nghề nghiệp và tạo việc làm đối với lao động nông thôn. Rà soát, định hướng nhu cầu đào tạo của lao động nông thôn phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới và nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Chú trọng công tác tư vấn, hướng nghiệp cho người lao động, đặc biệt là người khuyết tật, người chấp hành xong án phạt tù trở về địa phương, người sau cai nghiện trở về cộng đồng đảm bảo 100% đối tượng này được hỗ trợ đào tạo khi tự nguyện đăng ký tham gia học nghề.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND huyện điều chỉnh số học viên, ngành, nghề đào tạo trong phạm vi kinh phí đã được duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả đào tạo cho lao động nông thôn trên địa bàn.

- Kiểm tra, xác nhận đơn xin học nghề của lao động nông thôn trên địa bàn đảm bảo chính xác, đúng đối tượng theo quy định và phù hợp nhu cầu việc làm tại địa phương.

- Tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng tại địa phương theo quy định; giúp người lao động tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc giải quyết việc làm sau học nghề.

- Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp lập danh sách theo dõi, thống kê số người đã học nghề, số người có việc làm theo từng hình thức, số hộ thoát nghèo, số hộ trở thành hộ khá, giàu, số người chuyển sang làm công nghiệp, dịch vụ sau khi học nghề trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, kế hoạch kiểm tra, giám sát việc dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn năm 2022. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các lớp đào tạo cho lao động nông thôn trên địa bàn, đảm bảo đào tạo nghề đúng đối tượng, đúng thời gian đào tạo và đảm bảo đầy đủ trang thiết bị, nguyên vật liệu thực hành nghề theo chương trình đào tạo.

- Định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện chỉ tiêu đào tạo và hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực sau đào tạo trên địa bàn gửi Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội theo quy định.

9. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện và các cơ sở tham gia đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn

- Tổ chức tuyển sinh, đào tạo nghề theo chương trình đào tạo đã được phê duyệt; kiểm tra, công nhận tốt nghiệp cấp chứng chỉ đào tạo; thực hiện công tác giáo vụ, chế độ báo cáo theo quy định

- Thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng chương trình đào tạo; bố trí giáo viên đủ điều kiện; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo, đồng thời cung cấp đầy đủ vật tư, nguyên vật liệu, tài liệu học tập theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Phối hợp với địa phương và doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn sau học nghề. Không tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn khi không xác định được nơi làm việc và mức thu nhập sau học nghề.

- Quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo; chi trả đầy đủ kinh phí hỗ trợ cho người học; thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Phối hợp với UBND xã, thị trấn theo dõi, thống kê tình trạng việc làm, thu nhập của lao động nông thôn sau học nghề.

- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

10. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể: Phối hợp tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đào tạo cho lao động nông thôn; vận động các hội viên tham gia học nghề; tư vấn miễn phí về đào tạo và giải quyết việc làm. Tham gia giám sát các hoạt động của Kế hoạch này.

Căn cứ nội dung kế hoạch này UBND huyện đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động –TBXH (B/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT (B/c);
- TT: Huyện ủy, HĐND huyện (B/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- UBND các xã, thị trấn;
- Trang Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh

PHỤ BIỂU
CHỈ TIÊU NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN NĂM 2022
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 02 năm 2022
của UBND huyện Tam Đường)

Số TT	Tên ngành/nghề đào tạo	Số lượng người học (người)	Địa bàn đào tạo	Ghi chú
I	NGHỀ PHI NÔNG NGHIỆP	340		
1	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Khun Há	
2	Sửa máy nông nghiệp	35	Xã Sơn Bình	
3	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Nà Tăm	
4	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Giang Ma	
5	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Giang Ma	
6	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Bản Bo	
7	Sửa máy nông nghiệp	30	Xã Nùng Nàng	
8	Làm Khèn, sáo mông	30	Xã Thèn Sin	
9	Sửa máy nông nghiệp	35	Xã Bản Giang	
10	Kỹ thuật vận hành thiết bị máy công nghiệp	30	Trên địa bàn huyện	
11	Điện dân dụng	30	Trên địa bàn huyện	
II	NGHỀ NÔNG NGHIỆP	660		
1	Phòng và chống dịch tả lợn Châu Phi	30	Xã Tả Lèng	
2	Phòng và chống các loại dịch bệnh trên gia súc	30	Xã Tả Lèng	
3	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	30	Xã Hồ Thầu	
4	Nuôi và phòng trị bệnh cho gia cầm	30	Xã Hồ Thầu	
5	Nuôi ong	30	Xã Bản Bo	
6	Nuôi ong	30	Xã Bản Bo	

7	Trồng cây dược liệu (Sâm)	30	Xã Khun Há	
8	Trồng cây dược liệu (Sâm)	30	Xã Khun Há	
9	Trồng và chăm sóc dong riềng	30	Xã Sơn Bình	
10	Trồng và chăm sóc cây dong riềng	30	Xã Sơn Bình	
11	Nuôi trồng thủy sản nước ngọt	30	Xã Bình Lư	
12	Trồng và chăm sóc cây chuối	30	Xã Bình Lư	
13	Trồng cây dược liệu (Sâm)	30	Xã Bản Hòn	
14	Trồng và chăm sóc cây chè	30	Xã Nà Tầm	
15	Trồng và chăm sóc cây chè	30	Xã Nà Tầm	
16	Trồng cây chanh leo	30	Xã Bản Giang	
17	Trồng chăm sóc cây ăn quả ôn đới	30	Xã Nùng Nàng	
18	Trồng và chăm sóc cây lê	30	Xã Nùng Nàng	
19	Phòng và chống dịch tả lợn Châu Phi	30	Xã Bản Hòn	
20	Phòng và điều trị bệnh cho gia súc	30	Xã Thèn Sin	
21	Phòng và điều trị bệnh cho gia súc	30	Xã Thèn Sin	
22	Phòng và chống các loại dịch bệnh trên gia súc	30	Xã Bản Giang	
Tổng cộng		1.000		